TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/KDTM-ST
Ngày: 8/5/2024.
V/v: "Tranh chấp hợp đồng gia công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Minh Khánh

Ông Nguyễn Văn Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nhữ Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 8/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án KDTM sơ thẩm thụ lý số: 14/2023/TBTL- KDTMST ngày 6/12/2023 về việc *Tranh chấp hợp đồng gia công* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 25/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-KDTM ngày 8/4/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: CÔNG TY TNHH V

Địa chỉ: Lô D, đường N, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Joung Hyoun D- Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

Theo văn bản ủy quyền ngày 20/11/2023.(Có mặt)

- *Bị đơn*: CÔNG TY TNHH J

Địa chỉ: Cụm C, thị trấn N, huyện V (nay là phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Jeong Dae M- Chức vụ: Giám đốc (Đã xuất cảnh khỏi Việt Nam từ ngày 30/10/2022 – vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn công ty TNHH V do bà Lê Thị Thu H - đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/7/2020 công ty TNHH V và công ty TNHH J có thực hiện ký kết Hợp đồng gia công số 01072020/VK-JONE. Theo hợp đồng gia công thì công ty TNHH V nhận gia công in, laser các sản phẩm là vỏ điện thoại di động và các linh kiện tiện tử khác để phục vụ cho quá trình sơn mạ của công ty TNHH J.

Theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng gia công ký kết giữa hai bên công ty:

Vào mỗi cuối tháng hai bên sẽ chốt số lượng hàng giao và nhận gia công trong tháng đó, Bên gia công sẽ xuất hóa đơn tài chính 01 lần vào ngày cuối cùng của tháng và được tính trên tổng số lượng hàng chất giữa hai bên, có kèm theo bảng kê chi tiết bán hàng được hai bên kí nhận.

Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính gốc của bên B.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vào đầu tháng công ty TNHH J nhận nguyên liệu từ công ty khác, sau đó giao toàn bộ cho công ty TNHH V gia công. Cuối tháng, công ty TNHH V giao lại toàn bộ hàng hóa gia công cho bên công ty TNHH J cùng với Biên bản đối chiếu hàng hóa kèm theo Hóa đơn và có ký nhận của đại diện hai bên công ty tại Biên bản đối chiếu hàng hóa. Hai bên cũng thỏa thuận, Hóa đơn chốt nợ theo các Đơn hàng được công ty TNHH V gửi vào địa chỉ Gmail của công ty TNHH J để sau này tiện cho việc thanh toán. Hai công ty đã thực hiện quá trình nhận hàng và thanh toán các đơn hàng trước đây như vậy và không phát sinh tranh chấp gì.

Kể từ đơn hàng ngày 29/4/2022 thì công ty TNHH J không thanh toán cho công ty TNHH V nữa. Công ty TNHH V đã nhiều lần liên lạc và gửi Thông báo chốt nợ năm 2021, 2022 vào địa chỉ Gmail của công ty TNHH J nhưng không nhận được phản hồi. Người đại diện pháp luật công ty TNHH J là ông Jeong Dae M đã liên lạc qua điện thoại và hứa sẽ thanh toán cho công ty TNHH V vào ngày 31/10/2022, do có mối quan hệ làm ăn từ trước nên công ty TNHH V tạo điều kiện và không lập Thông báo đòi nợ đối với công ty TNHH J. Tuy nhiên đến ngày 31/10/2022 ông Jeong Dae M đã bỏ trốn về Hàn Quốc. Từ đó đến nay công ty TNHH V đã tìm nhiều cách để liên hệ với công ty TNHH J cũng như Ông Jeong D để giải quyết công nợ còn lại nhưng không thể liên lạc được.

Theo Hóa đơn số 0000003, ký hiệu 1C22TVK ngày 29/04/2022, công ty TNHH J phải thanh toán cho công ty TNHH V số tiền 1.241.980.927, tuy nhiên công ty TNHH J đã thanh toán số tiền: 567.766.466 đồng, còn nợ lại: 674.214.461 đồng.

Vì vậy, tính đến hết ngày 03/11/2022 công ty TNHH J vẫn còn nợ công ty TNHH V tổng số tiền là 5.805.146.385 đồng. *(Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng ./.)*. Cụ thể:

STT	Số hóa đơn	Ký hiệu	Ngày tháng	Số tiền phải thanh toán
1	0000003	1C22TVK	29/04/2022	674.214.461
2	0000006	1C22TVK	31/05/2022	101.202.607
3	0000007	1C22TVK	31/05/2022	709.397.769
4	0000009	1C22TVK	30/06/2022	15.719.021
5	0000010	1C22TVK	30/06/2022	426.041.444
6	0000012	1C22TVK	30/07/2022	950.217.945
7	0000013	1C22TVK	30/07/2022	47.304.783
8	0000015	1C22TVK	31/08/2022	48.829.915
9	0000016	1C22TVK	31/08/2022	807.382.791
10	0000017	1C22TVK	30/09/2022	55.215.758
11	0000018	1C22TVK	30/09/2022	951.850.466
12	0000021	1C22TVK	03/11/2022	64.785.534
13	0000022	1C22TVK	03/11/2022	952.984.197
			TỔNG	**5.805.146.385**

Công ty TNHH V đề nghị Tòa án Nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết:

1. Buộc công ty TNHH J phải trả cho chúng tôi số tiền còn thiếu (nợ gốc) là 5.805.146.385 đồng *(Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng)*

2. Buộc công ty TNHH J phải trả thêm khoản lãi chậm trả phát sinh tới nay, theo lãi suất quá hạn do ngân hàng N quy định, số tiền là 591.131.903 đồng *(Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng).*

Bị đơn công ty TNHH J do ông Jeong Dae M đại diện theo pháp luật :

Theo Công văn số 543/QLXNC-P4 ngày 22/01/2024 của Cục Q – Bộ C về việc trao đổi thông tin XNC cung cấp: Ông Jeong Dae M, sinh ngày 18/6/1966, quốc tịch Hàn Quốc, hộ chiếu số M15447564 đã nhập xuất cảnh Việt Nam nhiều lần, lần gần nhất nhập cảnh ngày 30/7/2022, xuất cảnh ngày 30/10/2022.

Theo Biên bản xác minh ngày 6/2/2024 tại Ủy ban nhân dân phường N, thị xã V, Ông Đỗ Văn H1- Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân phường cung cấp: công ty TNHH J có trụ sở chính tại Cụm C, phường N, thị xã V. Hiện nay theo quan

sát thực tế thì Công ty đã ngừng hoạt động khoảng 2 năm nay, không có công nhân làm việc, cổng công ty khóa chặt. Đại diện của phía công ty cũng không thấy xuất hiện. Nhiều lần Tòa án về tìm hiểu và giải quyết các vụ án liên quan đến công ty TNHH J nhưng không làm việc được trực tiếp với đại diện của công ty. Do vậy đề nghị Tòa án xem xét công khai các văn bản tố tụng liên quan đến công ty và giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng gồm thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đối với công ty TNHH J. Tuy nhiên đại diện theo pháp luật của Công ty cũng như Công ty không cử người đại diện theo ủy quyền đến Tòa án làm việc hay cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án.

**** Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Bị đơn công ty TNHH J do ông Jeong Dae M đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

Nguyên đơn CÔNG TY V do bà Lê Thị Thu H đại diện theo ủy quyền trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm đã trình bày tại bản tự khai. Nguyên đơn yêu cầu công ty TNHH J phải trả số tiền công gia công còn thiếu (nợ gốc) là 5.805.146.385 đồng (Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng). Nguyên đơn xin rút yêu cầu buộc công ty TNHH J phải trả lãi chậm trả là số tiền 591.131.903 đồng (Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng). Việc rút yêu cầu lãi chậm trả là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Do có mối quan hệ làm ăn thân thiết từ trước, đại diện công ty TNHH V đã nhiều lần gặp gỡ trực tiếp đại diện công ty TNHH J để yêu cầu thanh toán số nợ gốc nêu trên. Tuy nhiên, phía công ty TNHH J trình bày khó khăn nên nguyên đơn lại tạo điều kiện cho giãn nợ. Đến ngày 31/10/2022, ông Jeong Dae M đã bỏ trốn về Hàn Quốc. Từ đó đến nay công ty TNHH V đã tìm nhiều cách để liên hệ với đại diện công ty TNHH J nhưng không có kết quả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Bộ luật Dân sự, Luật Thương mại, Bộ luật Tố tụng dân sự, xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc công ty TNHH J phải trả công ty TNHH V số tiền công gia công còn thiếu (nợ gốc) là 5.805.146.385 đồng (Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng)

+ Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc công ty TNHH J phải trả lãi chậm trả với số tiền là 591.131.903 đồng (Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng).

Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: công ty TNHH J phải chịu án phí KDTM sơ thẩm. Công ty TNHH V không phải chịu án phí KDTM sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự:

Bị đơn công ty TNHH J do ông Jeong Dae M đại diện theo pháp luật vắng mặt tại phiên tòa. Ông Jeong Dae M đã nhập xuất cảnh Việt Nam nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 30/10/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Công ty TNHH J có trụ sở chính tại Cụm C, phường N, thị xã V. Công ty đã ngừng hoạt động khoảng 2 năm, không có công nhân làm việc, cổng công ty khóa chặt.

Như vậy, đại diện theo pháp luật của bị đơn đã xuất cảnh khỏi Việt Nam, không thông tin cho phía nguyên đơn (người có quyền đòi nợ) và chính quyền địa phương. Việc vắng mặt của đại diện theo pháp luật của bị đơn thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo. Tòa án đã tiến hành niêm yết tất cả các văn bản tố tụng cho bị đơn (trong thời hạn 1 tháng) theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 474 của Boojluaatj Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn đảm bảo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả số tiền công gia công chưa thanh toán là 5.805.146.385 đồng căn cứ vào các hợp đồng gia công mà các bên đã ký kết. Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của các pháp nhân có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là *"Tranh chấp về hợp gia công"* theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là pháp nhân có trụ sở theo đăng ký kinh doanh tại huyện V, tỉnh Bắc Giang; đại diện theo pháp luật của bị đơn là người nước ngoài, đã xuất cảnh khỏi Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn CÔNG TY VK ELECTRONICS:

[3.1] Về yêu cầu buộc công ty TNHH J phải trả số tiền gôc 5.805.146.385 đồng (Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng), Hội đồng xét xử thấy:

Xét Hợp đồng gia công số 01072020/VK-JONE ngày 01/7/2020 giữa công ty TNHH V và công ty TNHH J:

Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản có chữ ký của đại diện theo pháp luật hai công ty là những người đủ năng lực hành vi dân sự, việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, mục đích của hợp đồng không trái pháp luật và đạo đức xã hội.

Về nội dung: Theo hợp đồng thì công ty TNHH V nhận gia công in, laser các sản phẩm là vỏ điện thoại di động và các linh kiện tiện tử khác để phục vụ cho quá trình sơn mạ của công ty TNHH J. Sau khi ký kết hợp đồng, hai công ty đã thực hiện việc đặt hàng, giao nhận hàng và thanh toán nhiều lần; hai bên cũng đã lập biên bản đối chiếu hàng gia công.

Hợp đồng gia công giữa công ty TNHH V và công ty TNHH J có đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo quy định tại Điều 6 Hợp đồng gia công ký kết giữa hai bên công ty:

"Vào mỗi cuối tháng hai bên sẽ chốt số lượng hàng giao và nhận gia công trong tháng đó, Bên gia công sẽ xuất hóa đơn tài chính 01 lần vào ngày cuối cùng của tháng và được tính trên tổng số lượng hàng chất giữa hai bên, có kèm theo bảng kê chi tiết bán hàng được hai bên kí nhận.

Bên A sẽ thanh toán cho bên B theo hình thức chuyển khoản trong vòng 45 đến 60 ngày kể từ khi nhận được hóa đơn tài chính gốc của bên B."

Từ khi ký kết đến trước đơn hàng ngày 29/4/2022, công ty TNHH J đều thực hiện đúng thỏa thuận. Mỗi lần giao hàng, công ty TNHH V đều có Biên bản đối chiếu hàng hóa, Hóa đơn và yêu cầu đại diện công ty TNHH J ký nhận. Phía nguyên đơn đã xuất trình các Biên bản đối chiếu hàng hóa có chữ ký của đại diện hai công ty.

Trình bày này của nguyên đơn hoàn toàn phù hợp các tài liệu chứng cứ xuất trình trong quá trình giải quyết vụ án. Đủ cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng gia công.

Về số tiền hàng gia công công ty TNHH J còn nợ công ty TNHH V: Nguyên đơn trình bày theo Hóa đơn số 0000003, ký hiệu 1C22TVK ngày

29/04/2022, công ty TNHH J phải thanh toán cho công ty TNHH V số tiền 1.241.980.927, tuy nhiên công ty TNHH J đã thanh toán số tiền: 567.766.466 đồng. Còn nợ lại: 674.214.461 đồng. công ty TNHH V đã xuất trình các sao kê Ngân hàng thể hiện nội dung này. Trình bày của nguyên đơn về nội dung này có lợi cho bị đơn, phù hợp với tài liệu nguyên đơn cung cấp nên cần chấp nhận.

Tính đến hết ngày 03/11/2022 công ty TNHH J vẫn còn nợ Công ty chúng tôi tổng số tiền là 5.805.146.385 đồng. *(Bằng chữ: Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng ./.)*. Cụ thể như sau:

STT	**Số hóa đơn**	**Ký hiệu**	**Ngày tháng**	**Số tiền phải thanh toán**
1	0000003	1C22TVK	29/04/2022	674.214.461
2	0000006	1C22TVK	31/05/2022	101.202.607
3	0000007	1C22TVK	31/05/2022	709.397.769
4	0000009	1C22TVK	30/06/2022	15.719.021
5	0000010	1C22TVK	30/06/2022	426.041.444
6	0000012	1C22TVK	30/07/2022	950.217.945
7	0000013	1C22TVK	30/07/2022	47.304.783
8	0000015	1C22TVK	31/08/2022	48.829.915
9	0000016	1C22TVK	31/08/2022	807.382.791
10	0000017	1C22TVK	30/09/2022	55.215.758
11	0000018	1C22TVK	30/09/2022	951.850.466
12	0000021	1C22TVK	03/11/2022	64.785.534
13	0000022	1C22TVK	03/11/2022	952.984.197
			TỔNG	**5.805.146.385**

Đại diện của công ty TNHH J xuất cảnh khỏi Việt Nam nhưng không thông báo cho bên có quyền lợi là công ty TNHH V, không thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn không có văn bản thể hiện quan điểm, không cung

cấp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Do vậy, không có căn cứ xác định bị đơn đã thanh toán tiền gia công theo các hóa đơn mà nguyên đơn cung cấp. Hội đồng xét xử cần căn cứ Điều 542; Điều 544, Điều 546, Điều 547 Bộ luật Dân sự; Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183 của Luật Thương mại, buộc công ty TNHH J phải trả số tiền 5.805.146.385 đồng (Năm tỷ, tám trăm linh lăm triệu, một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng) cho công ty TNHH V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[3.2] Về yêu cầu buộc CÔNG TY TNHH J phải trả thêm khoản lãi chậm trả phát sinh tới nay , theo lãi suất quá hạn do ngân hàng N quy định, số tiền là 591.131.903 đồng (Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng), Hội đồng xét xử thấy:

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty TNHH V đã rút yêu cầu khởi kiện này. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không bị ai ép buộc nên cần áp dụng khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi lãi chậm trả của nguyên đơn.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và theo Điều 26 Nghị quyết 326/UBTV-QH của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016:

Bị đơn công ty TNHH J phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 5.805.146.385 đồng nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 112.000.000 đồng+ 0,1% x (5.805.146.385- 4.000.000.000) = 113.805.146 đồng.

Nguyên đơn công ty TNHH V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, cần hoàn trả nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 542; Điều 544, Điều 546, Điều 547 Bộ luật Dân sự; Điều 178, Điều 179, Điều 180, Điều 181, Điều 182, Điều 183 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY TNHH V. Buộc CÔNG TY TNHH J phải trả CÔNG TY TNHH VK ELECTRONICS số tiền công gia công là 5.805.146.385 đồng *(Năm tỷ tám trăm linh năm triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của CÔNG TY TNHH V về việc buộc CÔNG TY TNHH J phải trả lãi chậm trả 591.131.903 đồng *(Năm trăm chín mươi mốt triệu một trăm ba mươi mốt nghìn chín trăm linh ba đồng)*.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

CÔNG TY TNHH J phải chịu 113.805.146 đồng*(Một trăm mười ba triệu tám trăm linh năm nghìn một trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

CÔNG TY TNHH V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả CÔNG TY TNHH V số tiền tạm ứng án phí là 57.000.000 đồng theo Biên lai thu số 0000883 ngày 6/12/2023 do CÔNG TY TNHH V đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn ở nước ngoài, vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin TAND tối cao;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS, HCTP.

Nguyễn Thị Hương Giang